



Unit 6: Addition to 20

Lesson 2: Addition to 10 (2)

I. Listen and repeat 3 times. (Nghe và đọc lại 3 lần)

Vocabulary	Vietnamese meaning
plus	+
equals	=
is	=

II. Listen and repeat 3 times. (Nghe và đọc lại 3 lần)

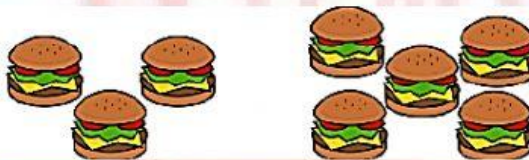
Form	Example
“(Number) plus (number) equals/is (number).”	$5 + 3 = 8$ 5 plus 3 equals 8 5 plus 3 is 8

III. Exercises

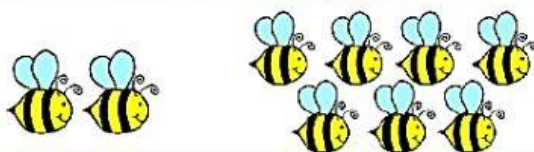
1. Count and write the numbers. (Đếm, viết số và hoàn thành phép cộng)



3 plus 6 is 9



 plus is



 plus is

2. Complete. (Hoàn thành các phép cộng)

a. 4 plus 5 is

b. 3 plus 6 is

c. 7 plus 1 is

d. 2 plus 8 is

e. 5 plus 3 is

f. 4 plus 2 is

g. 3 plus 4 is

h. 3 plus 7 is

3. Match. (Nối)

$8 + 0$

7

3 plus 5

$4 + 5$

8

6 plus 1

$2 + 8$

9

4 plus 6

$3 + 4$

10

7 plus 2